



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và
các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 20 tháng 10 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Madhur Maini
Ông Lars Kjaer

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Tập đoàn đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2012



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và các kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-753



Chang Hung Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		12.541.434	4.626.838	2.291.494	1.636.159
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.573.593	3.394.575	1.510.736	1.037.261
Tiền	111		175.717	1.155.118	23.284	1.037.261
Các khoản tương đương tiền	112		9.397.876	2.239.457	1.487.452	-
Đầu tư ngắn hạn	120	12	1.222.500	490.000	373.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	903.317	314.209	387.496	592.463
Phải thu khách hàng	131		193.615	64.125	-	-
Trả trước cho người bán	132		363.633	83.966	57.977	4.692
Phải thu khác	135		347.153	166.823	329.519	587.771
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.084)	(705)	-	-
Hàng tồn kho	140	7	612.845	290.200	-	-
Hàng tồn kho	141		625.746	296.547	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.901)	(6.347)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		229.179	137.854	20.262	6.435
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		129.695	10.131	1.391	262
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.418	118.872	17.739	5.877
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		103	2	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		43.963	8.849	1.132	296

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tài sản dài hạn	200		21.031.185	16.502.700	22.289.000	18.672.990
Các khoản phải thu – dài hạn	210	6	-	-	2.762.294	-
Phải thu khác	218		-	-	2.762.294	-
Tài sản cố định	220		11.287.505	8.261.999	19.201	2.039
Tài sản cố định hữu hình	221	8	879.199	561.229	14.317	251
Nguyên giá	222		1.196.701	777.268	16.519	269
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(317.502)	(216.039)	(2.202)	(18)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	-	11.686	-	-
Nguyên giá	225		-	16.871	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(5.185)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	10	983.239	72.564	1.316	219
Nguyên giá	228		1.021.469	85.882	1.451	234
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.230)	(13.318)	(135)	(15)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	9.425.067	7.616.520	3.568	1.569
Đầu tư dài hạn	250	12	9.321.085	8.099.909	19.490.421	18.661.978
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	10.557.997	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết	252		9.321.085	8.099.909	8.932.424	8.103.981
Tài sản dài hạn khác	260		422.595	140.792	17.084	8.973
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	88.066	70.771	7.400	8.730
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	24.798	49.154	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		32.626	17.295	9.684	243
Lợi thế thương mại	269	15	277.105	3.572	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		33.572.619	21.129.538	24.580.494	20.309.149

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		12.017.587	8.981.050	6.821.280	3.138.393
Nợ ngắn hạn	310		3.625.783	3.224.917	3.237.125	1.180.433
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	2.032.397	1.124.674	2.630.000	-
Phải trả người bán	312		422.772	443.583	523	20.728
Người mua trả tiền trước	313		7.994	7.997	-	-
Thuế và các khoản phải nộp						
Nhà nước	314	17	291.359	152.842	5.193	1.360
Phải trả công nhân viên	315		12.618	5.395	-	27
Chi phí phải trả	316	18	824.384	502.838	339.697	175.667
Phải trả khác	319	19	34.259	987.588	261.712	982.651
Vay và nợ dài hạn	330		8.391.804	5.756.133	3.584.155	1.957.960
Nợ dài hạn khác	333	19	-	-	256.195	-
Vay và nợ dài hạn	334	20	7.409.781	5.000.560	3.327.960	1.957.960
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	973.459	751.021	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	8.564	4.552	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.875.652	10.623.685	17.759.214	17.170.756
Vốn chủ sở hữu	410		15.875.652	10.623.685	17.759.214	17.170.756
Vốn cổ phần	411	22	5.152.723	5.152.723	5.152.723	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	2.166.136	2.166.136	2.166.136	2.166.136
Vốn khác của chủ sở hữu	413	23	10.462.804	9.651.713	10.462.804	9.651.713
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(16.066)	3.189	-	-
Vốn khác	418	12	(6.569.981)	(9.062.082)	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.680.036	2.712.006	(22.449)	200.184
LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ	439		5.679.380	1.524.803	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		33.572.619	21.129.538	24.580.494	20.309.149

Người lập:

Lahel

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2011 Triệu VND	2010 Triệu VND	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Tổng doanh thu	01	24	7.239.003	5.689.498	-	-
Các khoản giảm trừ	02	24	(182.154)	(103.211)	-	-
Doanh thu thuần	10	24	7.056.849	5.586.287	-	-
Giá vốn hàng bán	11	25	(3.997.834)	(3.194.617)	-	-
Lợi nhuận gộp	20		3.059.015	2.391.670	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.185.206	1.620.919	645.584	255.443
Chi phí tài chính	22	27	(347.725)	(270.277)	(717.657)	(169.015)
Chi phí bán hàng	24		(1.010.149)	(951.265)	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(406.374)	(213.732)	(150.487)	(62.291)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh			2.479.973	2.577.315	(222.560)	24.137
Kết quả của các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	28	22.169	19.370	-	-
Chi phí khác	32	29	(26.303)	(11.162)	(73)	-
Lợi nhuận từ công ty liên kết	41	30	392.733	160.598	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		2.868.572	2.746.121	(222.633)	24.137
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	31	(247.114)	(140.638)	-	-
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	31	(125.450)	23.734	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (mang sang trang sau)	60		2.496.008	2.629.217	(222.633)	24.137

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2011	2010	2011	2010
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (mang từ trang trước sang)			2.496.008	2.629.217	(222.633)	24.137
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		522.859	346.178	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		1.973.149	2.283.039	-	-
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	34	2.909	4.635	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VND	70	34	2.523	4.243	-	-

Người lập:

Lahat

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Eric

 Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tập đoàn

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	4.853.998	1.421.817	-	-	(1.947.256)	(1.178)	434.707	4.762.088	307.451	5.069.539
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	-	-	-	-	-	-	-	-	1.927.839	1.927.839
Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số trong các công ty con	-	-	-	-	(7.101.647)	-	-	(7.101.647)	(1.109.679)	(8.211.326)
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	9.651.713	-	-	-	-	9.651.713	-	9.651.713
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ một công ty con	-	-	-	-	(13.179)	-	-	(13.179)	53.179	40.000
Vốn cổ phần đã phát hành	298.725	744.319	-	-	-	-	-	1.043.044	-	1.043.044
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.283.039	2.283.039	346.178	2.629.217
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	5.740 (2.414) (2.148)	(5.740)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(2.414)	13	(2.401)
Phân loại vào nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-	(2.148)	(975)	(3.123)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	3.189	-	-	-	3.189	797	3.986
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	5.152.723	2.166.136	9.651.713	3.189	(9.062.082)	-	2.712.006	10.623.685	1.524.803	12.148.488

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.152.723	2.166.136	9.651.713	3.189	(9.062.082)	2.712.006	10.623.685	1.524.803	12.148.488
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 12)	-	-	811.091	-	-	-	811.091	-	811.091
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại Công ty Cổ phần VinaCafe Biển Hòa	-	-	-	-	-	-	-	800.370	800.370
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con (Thuyết minh 12)	-	-	-	-	2.492.101	-	2.492.101	2.837.079	5.329.180
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(19.255)	-	-	(19.255)	(4.155)	(23.410)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.973.149	1.973.149	522.859	2.496.008
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.119)	(5.119)	(1.576)	(6.695)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(16.066)	(6.569.981)	4.680.036	15.875.652	5.679.380	21.555.032

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	4.853.998	1.421.817	-	176.047	6.451.862
Vốn cổ phần đã phát hành	298.725	744.319	-	-	1.043.044
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.137	24.137
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	9.651.713	-	9.651.713
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	5.152.723	2.166.136	9.651.713	200.184	17.170.756
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(222.633)	(222.633)
Phát hành công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 12)	-	-	811.091	-	811.091
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(22.449)	17.759.214

Người lập:

Lahel

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang

 Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2011	2010	2011	2010
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LUU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		2.868.572	2.746.121	(222.633)	24.137
Điều chỉnh cho						
Khấu hao và phân bổ	02		142.120	104.599	5.112	1.038
Các khoản dự phòng	03		86.870	11.032	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(16.689)	(1.203)	(18.184)	(1.203)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		5.210	547	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(1.124.958)	(357.405)	(602.109)	(237.919)
Chi phí lãi vay	06		316.251	233.629	701.046	147.634
Bất lợi thương mại	07		-	(1.239.714)	-	-
Lợi nhuận từ công ty liên kết	07		(392.733)	(160.598)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.884.643	1.337.008	(136.768)	(66.313)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(35.172)	(44.579)	(136.272)	(480.918)
Biến động hàng tồn kho	10		(173.878)	(98.509)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		74.423	343.745	23.508	34.709
			1.750.016	1.537.665	(249.532)	(512.522)
Tiền lãi vay đã trả	13		(149.650)	(105.384)	(59.020)	(19.715)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(148.616)	(92.865)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.304)	(2.414)	-	-
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh	20		1.440.446	1.337.002	(308.552)	(532.237)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2011	2010	2011	2010
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.208.260)	(851.009)	(20.944)	(2.072)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		2.406	3.394	-	-
Tiền thu hồi khoản vay từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	23		-	50.000	-	-
Khoản vay cấp cho công ty con	23		-	-	(2.136.347)	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ công ty con	23		-	-	97.651	-
Khoản vay cấp cho các bên liên quan	23		(715.000)	(806.200)	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ các bên liên quan	23		715.000	806.200	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(46.504.552)	(6.211.858)	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		46.145.052	6.447.858	-	296.000
Tiền chi cho đầu tư vào công ty liên kết	25		(1.000.000)	(596.449)	(1.000.000)	(596.449)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ việc mua công ty con	25	4	(808.828)	4.515	-	-
Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con và các đơn vị khác	25		-	(1.000.000)	-	(1.000.356)
Tiền đầu tư trái phiếu	25		(800.000)	-	(800.000)	-
Tiền thu từ đầu tư trái phiếu	25		427.000	-	427.000	-
Tiền thu từ việc bán khoản đầu tư dài hạn	26		-	128.539	-	-
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27		994.340	251.981	196.483	131.061
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(3.752.842)	(1.773.029)	(3.236.157)	(1.171.816)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2011	2010	2011	2010
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	1.057.621	-	1.057.621
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31		5.329.180	40.000	-	-
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		5.215.862	3.322.805	4.000.000	1.344.850
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.092.857)	(1.688.018)	-	-
Tiền chi trả cho chi phí đi vay	36		-	(9.735)	-	(9.735)
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		8.452.185	2.722.673	4.000.000	2.392.736
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.139.789	2.286.646	455.291	688.683
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		3.394.575	1.123.616	1.037.261	364.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		39.229	(15.687)	18.184	(15.687)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	9.573.593	3.394.575	1.510.736	1.037.261

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tăng đầu tư thông qua việc phát hành nợ	-	2.855.764	-	-
Tăng đầu tư thông qua việc phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	811.091	9.651.713	811.091	9.651.713
Chi phí giao dịch cần trừ với tiền thu từ khoản vay tương ứng	164.944	-	-	-
Thanh lý tài sản cố định bằng cách cần trừ các khoản phải trả người bán	-	2.799	-	-

Người lập:

Lahat

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2011	31/12/2010
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Đồng Tiền	Tư vấn quản lý	100% (*)	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược	Tư vấn quản lý	100% (*)	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San)	Kinh doanh và phân phối	76,5%	86,6%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	76,5%	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	76,5%	86,6%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	76,5%	86,6%
Công ty Cổ phần Ma San HD	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	76,5%	86,6%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	72,3%	81,8%
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	76,5%	86,6%
Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	38,4%	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2011	31/12/2010
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	65%	80%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	65%	80%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	65%	80%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	65%	80%

(*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thược Dược không được sở hữu bởi Công ty nhưng Công ty được ủy quyền 100% quyền bỏ phiếu và tất cả các lợi ích kinh tế liên quan đến quyền sở hữu trong các công ty này. Do đó, Công ty có quyền kiểm soát các công ty này.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm các lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn trong các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 41 nhân viên (31/12/2010: 25 nhân viên) và Tập đoàn có 5.555 nhân viên (31/12/2010: 5.284 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu ("Triệu VND"), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(iii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phản chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đo lường hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không yêu cầu trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Định giá và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Tập đoàn và Công ty trình bày thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ của chúng trong Thuyết minh 36.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Khi tồn tại một thị trường năng động, Tập đoàn và Công ty xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường năng động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường năng động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Nếu không tồn tại một thị trường năng động cho một công cụ tài chính, Tập đoàn và Công ty xác định giá trị hợp lý bằng cách sử dụng kỹ thuật định giá. Kỹ thuật định giá bao gồm việc sử dụng các giao dịch trao đổi ngang giá gần nhất giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch (nếu có), việc tham khảo giá trị hợp lý hiện tại của các công cụ khác cơ bản giống nhau và phương pháp chiết khấu dòng tiền. Kỹ thuật định giá được lựa chọn sử dụng tối đa các dữ liệu thị trường, càng ít dựa vào các ước tính mang tính đặc thù đối với Tập đoàn và Công ty càng tốt, đưa vào tất cả các yếu tố mà các bên tham gia thị trường sẽ xem xét khi thiết lập một mức giá, và nhất quán với các phương pháp kinh tế được chấp nhận để định giá các công cụ tài chính. Các dữ liệu đầu vào phục vụ các kỹ thuật định giá phản ánh một cách hợp lý các ước tính của thị trường và đo lường yếu tố rủi ro - tỷ suất sinh lời gắn liền với công cụ tài chính.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

(j) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(i).

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn đến năm năm.

(iii) Thương hiệu

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(iv) Quan hệ khách hàng

Mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(l) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(iv) Chi phí vay

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(v) Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo thời gian hữu dụng trong vòng hai năm.

(vi) Phí nâng cấp trang web

Phí nâng cấp trang web được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(p) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các biến động vốn chủ sở hữu do kết quả từ việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua hoặc chuyển nhượng lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận vào Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Vốn khác

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận trong quỹ dự trữ khác trong vốn chủ sở hữu.

(s) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(t) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, cổ tức, thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm việc chuyển đổi và các lựa chọn khác.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(x) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(y) Chi trả bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

(z) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)****3. Báo cáo chia theo bộ phận kinh doanh**

Tập đoàn có ba (3) bộ phận, như được trình bày dưới đây, là các hoạt động kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này đem đến các dịch vụ và sản phẩm khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Hội đồng Quản trị của Tập đoàn soát xét các báo cáo quản lý nội bộ định kỳ.

Tập đoàn nắm giữ các bộ phận kinh doanh sau đây thông qua nhóm công ty con riêng:

- Thực phẩm và đồ uống
- Khai thác khoáng sản

Tập đoàn cũng đầu tư và có ảnh hưởng đáng kể đối với một ngân hàng cổ phần và Hội đồng Quản trị của Tập đoàn xem các dịch vụ Tài chính là một bộ phận kinh doanh riêng.

Báo cáo theo bộ phận kinh doanh

	Thực phẩm và đồ uống		Khai thác khoáng sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Doanh thu của bộ phận	7.056.849	5.586.287	-	-	-	-	7.056.849	5.586.287
Lợi nhuận gộp của bộ phận	3.059.015	2.391.670	-	-	-	-	3.059.015	2.391.670
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.158.106	1.359.160	262.477	(6.448)	392.733	160.598	2.813.316	1.513.310
Chi phí không phân bổ							(150.487)	(89.382)
Doanh thu tài chính							388.892	1.476.077
Chi phí tài chính							(179.015)	(162.092)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (bao gồm lợi nhuận từ công ty liên kết)							2.872.706	2.737.913
Thu nhập khác							22.169	19.370
Chi phí khác							(26.303)	(11.162)
Chi phí thuế thu nhập							(372.564)	(116.904)
Lợi nhuận thuần							2.496.008	2.629.217

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Thực phẩm và đồ uống		Khai thác khoáng sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tài sản của bộ phận	9.387.054	4.323.096	12.570.448	7.505.579	9.321.085	8.099.909	31.278.587	19.928.584
Tài sản không phân bổ							2.294.032	1.200.954
Tổng tài sản							33.572.619	21.129.538
Nợ phải trả của bộ phận	4.967.970	1.953.995	918.720	279.557	-	-	5.886.690	2.233.552
Nợ phải trả không phân bổ							6.130.897	6.747.498
Tổng nợ phải trả							12.017.587	8.981.050
	2011	2010	2011	2010	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi tiêu vốn	558.495	472.845	1.628.630	376.092	-	-	2.187.125	848.937
Khấu hao	102.000	98.916	1.829	568	-	-	103.829	99.484
Khấu hao tài sản cố định vô hình	24.026	3.262	576	219	-	-	24.602	3.481

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận không bao gồm tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một vùng địa lý Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

4. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2011 và ngày 4 tháng 11 năm 2011, một công ty con, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San đã lần lượt mua lại 13.320.000 cổ phiếu và 35.261 cổ phiếu của Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa (“Vinacafe”), với tổng số tiền là 1.069.096 triệu VND, không bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua lại này dẫn đến Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San và Tập đoàn lần lượt chiếm 50,25% và 38,4% quyền sở hữu trong Vinacafe tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	278.268	-	278.268
Các khoản phải thu – ngắn hạn	205.167	-	205.167
Hàng tồn kho	235.258	-	235.258
Tài sản ngắn hạn khác	42.021	-	42.021
Tài sản cố định hữu hình	31.048	118.229	149.277
Tài sản cố định vô hình	17.320	912.328	929.648
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.273	-	4.273
Nợ ngắn hạn	(111.071)	-	(111.071)
Nợ dài hạn	(2.805)	-	(2.805)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(121.344)	(121.344)
Tổng tài sản thuần có thể xác định được	699.479	909.213	1.608.692
Lợi ích mua được trong tài sản thuần			808.322
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			278.774
Khoản thanh toán cho việc mua lại			1.087.096
Khoản tiền thu được			(278.268)
Khoản tiền thanh toán thuần			808.828
Chi phí mua lại gồm:			
Thanh toán bằng tiền mặt			1.069.096
Chi phí giao dịch			18.000
Khoản thanh toán cho việc mua lại			1.087.096

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua lại từ hợp nhất kinh doanh phát sinh chủ yếu từ khả năng hiệp lực mà Ban Giám đốc kỳ vọng thực hiện được bằng cách hợp nhất Vinacafe vào hoạt động kinh doanh hiện hành của Tập đoàn.

Lợi nhuận của Vinacafe sau khi mua lại là 25.706 triệu VND. Doanh thu và lợi nhuận của Vinacafe trước khi mua lại lần lượt là 1.252.950 triệu VND và 185.407 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Tiền mặt	2.804	1.448	432	59
Tiền gửi ngân hàng	172.913	1.153.670	22.852	1.037.202
Các khoản tương đương tiền	9.397.876	2.239.457	1.487.452	-
	9.573.593	3.394.575	1.510.736	1.037.261

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số tiền bằng các đơn vị tiền khác VND lần lượt tương đương 2.334.375 triệu VND (31/12/2010: 532.095 triệu VND) và 199.750 triệu VND (31/12/2010: 527.493 triệu VND).

6. Các khoản phải thu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, một phần của khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 16).

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	232.399	109.623	266.265	586.710
Lãi trích trước phải thu từ:				
• Tiền gửi	44.022	38.159	4.931	521
• Đầu tư trái phiếu	13.757	-	13.757	-
Các dịch vụ phải thu	44.566	-	44.566	-
Khác	12.409	19.041	-	540
	347.153	166.823	329.519	587.771

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại – ngắn hạn	230.446	109.561	230.446	109.561
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Phi thương mại – ngắn hạn	1.953	62	35.819	477.149
Phi thương mại – dài hạn	-	-	2.762.294	-

Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San là thu nhập tài chính ứng với lãi trích trước của công cụ tài chính có thể chuyển đổi. Công ty Cổ phần Ma San đảm nhận rủi ro và nghĩa vụ để đăng ký mua cổ phiếu và trả tiền cho bên cho vay của công cụ tài chính chuyển đổi này, trong trường hợp bên cho vay chọn không chuyển đổi thành cổ phiếu trước ngày đáo hạn (xem Thuyết minh 20(c)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay dài hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan của Công ty là 2.762.294 triệu VND gồm:

- (a) Khoản vay dài hạn không có đảm bảo là 2.000.000 triệu VND từ một công ty con. Khoản vay này chịu lãi suất năm 16% và được hoàn trả với số tiền bằng nhau trong tám năm bắt đầu từ tháng thứ ba mươi tính từ ngày giải ngân đầu tiên;
- (b) Phí duy trì khoản vay với lãi suất 15% một năm là 121.755 triệu VND đối với khoản vay không có đảm bảo cho một công ty con mà khoản vay là 108 triệu USD, chưa được giải ngân bởi một công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Chi phí của khoản vay này được trả trong năm 2014; và
- (c) Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và các công ty con có số vốn gốc là 487.500 triệu VND. Khoản vay này không chịu lãi và được trả vào ngày đáo hạn trong năm 2014.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng hoặc đối tác. Đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn giao dịch với các khách hàng bằng tiền mặt theo điều kiện hợp đồng. Đối với những khách hàng có khả năng tín dụng tốt, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các hạn mức tín dụng.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa.

Tập đoàn và Công ty lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phản ánh ước tính các khoản lỗ phát sinh đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	705	1.892	-	-
Tăng dự phòng trong năm	379	3.257	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(4.444)	-	-
Số dư cuối năm	1.084	705	-	-

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở trên, không có khoản dự phòng nợ khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không được trích lập dự phòng nợ khó đòi như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2011</u>		<u>31/12/2011</u>	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
	Gộp	Dự phòng nợ phải thu	Gộp	Dự phòng nợ phải thu
Chưa đến hạn	480.085	-	329.519	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	47.526	-	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	11.247	-	-	-
Quá hạn trên 180 ngày	1.910	(1.084)	-	-
	540.768	(1.084)	329.519	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	31.028	40.210	-	-
Nguyên vật liệu	409.748	143.566	-	-
Công cụ và dụng cụ	1.152	392	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	64.939	54.965	-	-
Thành phẩm	118.879	57.414	-	-
	625.746	296.547	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.901)	(6.347)	-	-
	612.845	290.200	-	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Số dư đầu năm	6.347	37.822
Tăng dự phòng trong năm	86.491	7.775
Sử dụng dự phòng trong năm	(79.937)	(39.250)
Số dư cuối năm	12.901	6.347

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, một phần hàng tồn kho của Tập đoàn được thế chấp với Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con (xem Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa và cấu trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	182.597	6.648	23.026	547.103	17.894	777.268
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	23.642	-	2.292	121.078	2.265	149.277
Tăng trong năm	3.526	18	13.765	21.137	11.448	49.894
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.776	14.896	152	172.246	-	222.070
Chuyển từ tài sản cho thuê tài chính	-	-	-	16.871	-	16.871
Thanh lý	(45)	-	(318)	(17.228)	(1.088)	(18.679)
Phân loại lại	-	-	-	(944)	944	-
Số dư cuối năm	244.496	21.562	38.917	860.263	31.463	1.196.701
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	23.567	2.168	9.061	170.584	10.659	216.039
Khấu hao trong năm	11.640	3.989	7.203	80.640	3.402	106.874
Chuyển từ tài sản cho thuê tài chính	-	-	-	5.652	-	5.652
Thanh lý	(45)	-	(297)	(9.824)	(897)	(11.063)
Phân loại lại	-	-	-	(118)	118	-
Số dư cuối năm	35.162	6.157	15.967	246.934	13.282	317.502
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	159.030	4.480	13.965	376.519	7.235	561.229
Số dư cuối năm	209.334	15.405	22.950	613.329	18.181	879.199

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản trị giá 39.221 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 17.205 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 23.946 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 11.365 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 7.914 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 28.107 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 312.378 triệu VND (31/12/2010: 227.540 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con.

Công ty

	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Dụng cụ văn phòng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	269	269
Tăng trong năm	-	1.354	1.354
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.896	-	14.896
Số dư cuối năm	14.896	1.623	16.519
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	18	18
Khấu hao trong năm	1.830	354	2.184
Số dư cuối năm	1.830	372	2.202
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	251	251
Số dư cuối năm	13.066	1.251	14.317

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình cho thuê tài chính

Tập đoàn

	Máy móc và thiết bị Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	16.871
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.871)
Số dư cuối năm	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.185
Khấu hao trong năm	467
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.652)
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	11.686
Số dư cuối năm	-

Các thiết bị sản xuất này được thuê bởi Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan theo các hợp đồng cho thuê tài chính khác nhau với Công ty Cho thuê Tài chính Vietcombank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San đã mua lại các tài sản cố định hữu hình thuê tài chính này và phân loại sang tài sản cố định hữu hình tương ứng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Nhãn hiệu Triệu VND	Quan hệ khách hàng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	77.611	7.525	746	-	85.882
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	65.202	-	543.799	320.647	929.648
Tăng trong năm	-	6.237	91	-	6.328
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(201)	-	(201)
Điều chỉnh cho khoản phí đăng ký	(188)	-	-	-	(188)
Số dư cuối năm	142.625	13.762	544.435	320.647	1.021.469
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.066	2.934	318	-	13.318
Khấu hao trong năm	1.987	3.133	9.177	10.688	24.985
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(73)	-	(73)
Số dư cuối năm	12.053	6.067	9.422	10.688	38.230
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	67.545	4.591	428	-	72.564
Số dư cuối năm	130.572	7.695	535.013	309.959	983.239

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 55.088 triệu VND (31/12/2010: 39.859 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty

	Phần mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	234
Tăng trong năm	1.217
Số dư cuối năm	1.451
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	15
Khấu hao trong năm	120
Số dư cuối năm	135
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	219
Số dư cuối năm	1.316

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	7.616.520	52.916	1.569	-
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	4.273	7.016.200	-	-
Tăng trong năm	2.028.436	660.865	16.895	1.569
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(222.070)	(113.261)	(14.896)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(200)	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.092)	-	-	-
Số dư cuối năm	9.425.067	7.616.520	3.568	1.569

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 198.437 triệu VND (2010: 3.463 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	-	-	10.557.997	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết (a)	9.321.085	8.099.909	8.932.424	8.103.981
	9.321.085	8.099.909	19.490.421	18.661.978
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn (b)	373.000	-	373.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (b)	849.500	490.000	-	-
	1.222.500	490.000	373.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	8.400.824	8.400.824
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	1.199.373	1.199.373
	10.557.997	10.557.997

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Chi tiết các công ty con được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thực Dược	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San)	Lầu 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Lầu 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San HD	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San PQ	261 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Lô III-12-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

(a) Khoản đầu tư vào trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)

Vào ngày 10 tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký thỏa thuận để mua thêm 2.834.402 trái phiếu do Techcombank phát hành từ các trái chủ khác và đã đồng ý chuyển đổi một cách bắt buộc và không thể hủy ngang những trái phiếu này thành cổ phiếu. Công ty cũng ký một hợp đồng hoán đổi để nhận tiền mặt trong vòng 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lên đến 234.357 triệu VND phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Techcombank trong năm 2011. Trong năm trước, Tập đoàn cũng đã ký một hợp đồng hoán đổi để nhận 1.116.217 triệu VND phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Techcombank trong năm 2011. Số tiền trên hợp đồng hoán đổi được tính toán dựa trên xấp xỉ 11 lần thu nhập dự tính của Techcombank, nằm trong khoảng từ 1.818 tỷ VND đến 2.727 tỷ VND. Dựa trên lợi nhuận được báo cáo của Techcombank trong năm 2011, cả hai hợp đồng hoán đổi đều không có giá trị. Chi phí mua bao gồm khoản tiền mặt 17.352 triệu VND cho hợp đồng hoán đổi này và một thỏa thuận phát hành mới 10.814.545 cổ phiếu phổ thông của Công ty, trị giá 811.091 triệu VND, được phát hành trong vòng 18 tháng từ ngày 10 tháng 1 năm 2011. Kết quả của các thỏa thuận này là, Tập đoàn sẽ không nhận được khoản chi trả bằng tiền mặt liên quan đến phần nợ gốc và lãi của các trái phiếu nhưng Tập đoàn được quyền hưởng một phần tài sản thuần của Techcombank mà các công cụ tài chính này mang lại. Do đó, tổng lợi ích kinh tế của Công ty tại Techcombank đã tăng từ 28,94% tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lên 30,84%.

Vào ngày 6 tháng 9 năm 2011, Tập đoàn đã nhận được số cổ tức bằng cổ phiếu là 35.312.903 cổ phiếu (2010: 29.835.246 cổ phiếu) từ Techcombank. Ngoài ra, lợi ích vốn chủ sở hữu thực tế của Tập đoàn trong Techcombank đã suy giảm từ 30,84% còn 30,61% do Techcombank phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên.

(b) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 14% trong năm (2010: 11%).

Đầu tư trái phiếu ngắn hạn phản ánh khoản đầu tư vào ba trái phiếu không được chuyển đổi và những trái phiếu này không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 15% và đáo hạn trong vòng một năm.

Tập đoàn có dự định và khả năng nắm giữ các khoản đầu tư vào các công cụ nợ cho đến khi đáo hạn. Giá trị ghi sổ của các công cụ nợ phản ánh mức rủi ro tín dụng tối đa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)****(c) Các giao dịch với các công ty con****(i) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San**

Vào ngày 7 tháng 4 năm 2011, một nhà đầu tư đã mua cổ phiếu mới do Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San (“MSC”) phát hành tương đương 10% cổ phần sau khi phát hành với giá trị là 3.327.552 triệu VND.

Cùng với việc phát hành trên, Công ty đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư, trong đó nếu việc định giá vốn chủ sở hữu của MSC căn cứ trên 16 lần của lợi nhuận của năm 2011 không đạt được mức định giá của MSC đã thỏa thuận ban đầu, Công ty sẽ chuyển một số cổ phiếu nhất định của MSC cho nhà đầu tư để đạt được mức định giá thực tế là 16 lần lợi nhuận của năm 2011. Ngoài ra, nếu tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của MSC trong giai đoạn các năm 2011-2013 thấp hơn tỉ lệ sinh lợi nội bộ đã thỏa thuận ở mức 20% bằng tiền VND hoặc 15% bằng tiền USD theo cách chọn lựa của Công ty, Công ty cũng sẽ chuyển giao một số lượng cổ phiếu MSC nhất định thuộc sở hữu Công ty cho nhà đầu tư. Việc điều chỉnh lợi nhuận và điều chỉnh tỉ lệ sinh lợi nội bộ là các xét đoán tiềm tàng.

Trong thời hạn 6 năm kể từ ngày giao dịch có hiệu lực, nếu MSC không hoàn tất việc phát hành chứng khoán ra công chúng, theo quy định trong thỏa thuận, nhà đầu tư sẽ có quyền chọn bán cổ phiếu MSC lấy cổ phiếu của Công ty trong một thời gian nhất định. Nếu nhà đầu tư không thực hiện quyền chọn bán này trong thời hạn hiệu lực, Công ty có thể mua cổ phiếu MSC từ nhà đầu tư trong khoảng thời gian một năm sau khi kết thúc thời hạn của quyền chọn bán bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng 50% vừa bằng tiền và cổ phiếu với giá trị đã được thỏa thuận trước với nhà đầu tư.

Ảnh hưởng suy giảm của việc Tập đoàn không đăng ký mua các cổ phiếu mới do MSC phát hành được thể hiện như sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua, sau khi trừ các phí giao dịch	3.247.052
Tài sản thuần suy giảm	(956.190)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	2.290.862

Thêm vào đó, MSC đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên, dẫn đến các ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành theo mệnh giá mà Tập đoàn không đăng ký mua	26.143
Tài sản thuần suy giảm	(95.632)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(69.489)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2011, một nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phiếu mới của Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San ("MR") bằng tiền mặt có giá trị là 100 triệu Đô la Mỹ tương đương 2.059.120 triệu VND. Nhà đầu tư đã thu được 20% lợi ích trong MR. Là một phần của giao dịch này, Tập đoàn đầu tư 487.500 triệu VND vào MR để mua cổ phiếu phổ thông mới, tổng hợp lại làm suy giảm lợi ích của Tập đoàn trong MR từ 80% xuống còn 65%. Công ty cũng cấp cho nhà đầu tư quyền bán 20% quyền sở hữu trong MR đổi lấy cổ phiếu của Công ty trong trường hợp MR chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế trong vòng 4,5 năm sau khi kết thúc giao dịch. Số cổ phiếu phát hành trong trường hợp quyền bán được thực hiện sẽ được căn cứ theo giá giao dịch cổ phiếu của Công ty và số lượng cổ phiếu để cho phép nhà đầu tư thu được tỉ lệ sinh lợi nội bộ hàng năm là 15%, dựa vào số tiền Đô la Mỹ đầu tư.

Ảnh hưởng suy giảm của việc Tập đoàn không đăng ký mua các cổ phiếu mới do MR phát hành như sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua, sau khi trừ các phí giao dịch	2.055.985
Tài sản thuần suy giảm	(1.785.257)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	270.728
Biến động vốn khác như sau	
	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	(9.062.082)
Tăng lợi ích của đồng thiểu số tại MSC	2.221.373
Tăng lợi ích của đồng thiểu số tại MR	270.728
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	(6.569.981)

(d) Hợp đồng hoán đổi ký kết trong năm 2010

Hợp đồng hoán đổi MSC – Như là một phần của việc mua thêm 16% lợi ích kinh tế của MSC trong năm 2010, Công ty đã ký kết hợp đồng hoán đổi với người bán. Hợp đồng hoán đổi cho phép Công ty nhận tối đa 2.609.503 triệu đồng tiền mặt trong vòng 3,5 năm dựa trên kết quả hoạt động của MSC từ năm 2011 đến năm 2013. Số tiền nhận được từ hợp đồng hoán đổi này dao động tùy theo lợi nhuận của MSC. Khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi này được tính dựa trên 13 lần lợi nhuận kế hoạch năm 2011 của MSC nhưng chỉ dao động từ 1.538 tỷ VND đến 2.000 tỷ VND và tăng lên đến 15 lần khi lợi nhuận của MSC tăng từ 30% hoặc cao hơn vào các năm 2011 và 2012. Khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi này là một tài sản tiềm tàng và không được ghi nhận vì việc thu khoản này là không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Chi phí trước hoạt động Triệu VND	Chi phí đất trả trước Triệu VND	Trục in Triệu VND	Công cụ và dụng cụ Triệu VND	Chi phí vay Triệu VND	Phí bảo hiểm Triệu VND	Phí nâng cấp trang web Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	56.796	2.401	203	2.641	8.730	-	-	70.771
Tăng trong năm	-	-	3.125	1.257	-	25.016	1.478	30.876
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	2.092	-	-	-	2.092
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	128	-	-	-	128
Phân bổ trong năm	-	(55)	(2.718)	(2.699)	(2.010)	(7.521)	(798)	(15.801)
Số dư cuối năm	56.796	2.346	610	3.419	6.720	17.495	680	88.066

Công ty

	Chi phí vay Triệu VND	Phí nâng cấp trang web Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	8.730	-	8.730
Tăng trong năm	-	1.478	1.478
Phân bổ trong năm	(2.010)	(798)	(2.808)
Số dư cuối năm	6.720	680	7.400

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:				
Dự phòng phải thu khó đòi	206	-	-	-
Chiết khấu hàng bán phải trả	17.469	12.841	-	-
Chi phí quảng cáo khuyến mại phải trả	21.740	20.037	-	-
Chi phí vận chuyển phải trả	7.426	6.328	-	-
Chi phí phải trả khác	5.519	2.094	-	-
Lỗi tính thuế mang sang	-	4.737	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.591	3.117	-	-
Trừ đi: cần trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(31.153)	-	-	-
	24.798	49.154	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:				
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	(751.021)	-	-
Tài sản cố định hữu hình	(12.808)	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	(106.785)	-	-	-
Phải thu khác	(3.533)	-	-	-
Thu nhập lãi phải thu trích trước	(130.465)	-	-	-
Trừ đi: cần trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.153	-	-	-
	(973.459)	(751.021)	-	-
	(948.661)	(701.867)	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm như sau

	Tập đoàn			
	Được ghi nhận vào thu nhập	Được ghi nhận vào ngày mua lại		
	31/12/2010	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng phải thu khó đòi	-	206	-	206
Chiết khấu doanh thu phải trả	12.841	4.628	-	17.469
Chi phí khuyến mãi và quảng cáo phải trả	20.037	1.703	-	21.740
Chi phí vận chuyển phải trả	6.328	1.098	-	7.426
Chi phí phải trả khác	2.094	3.425	-	5.519
Lỗ tính thuế mang sang	4.737	(4.737)	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.117	474	-	3.591
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	-	-	(751.021)
Tài sản cố định hữu hình	-	246	(13.054)	(12.808)
Tài sản cố định vô hình	-	1.505	(108.290)	(106.785)
Phải thu khác	-	(3.533)	-	(3.533)
Thu nhập lãi phải thu trích trước	-	(130.465)	-	(130.465)
	(701.867)	(125.450)	(121.344)	(948.661)

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí phải trả khác	-	205	-	-
Lỗ tính thuế	58.760	7.150	53.630	893
	58.760	7.355	53.630	893

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực trong năm năm kể từ năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn và Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực trong các năm như sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Số lỗ được khấu trừ	
		<u>Tập đoàn</u> Triệu VND	<u>Công ty</u> Triệu VND
2014	Chưa quyết toán	9.000	3.572
2015	Chưa quyết toán	4.700	-
2016	Chưa quyết toán	235.015	210.948
		248.715	214.520

15. Lợi thế thương mại

	<u>Tập đoàn</u> Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	5.954
Tăng do hợp nhất kinh doanh	278.774
Số dư cuối năm	284.728
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.382
Khấu hao trong năm	5.241
Số dư cuối năm	7.623
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.572
Số dư cuối năm	277.105

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Vay ngắn hạn	1.298.728	1.084.303	2.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	733.669	40.371	630.000	-
	2.032.397	1.124.674	2.630.000	-

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất danh nghĩa	Tập đoàn		Công ty		
			31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	
Vay ngắn hạn							
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	15,2%-18,7%	815.822	724.255	-	-	
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	6,5%	1.536	37.049	-	-	
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	15,7%-18%	481.370	72.206	-	-	
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	5,30% - 7,0%	-	16.134	-	-	
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	15% - 18%	-	-	2.000.000	-	
Khoản vay không đảm bảo từ Bên bán chính	VND	-	-	1.977	-	-	
Khoản vay không đảm bảo từ Bên bán chính	USD	15%	-	27.003	-	-	
Khoản vay không đảm bảo từ công ty mẹ	VND	15%	-	205.679	-	-	
			1.298.728	1.084.303	2.000.000	-	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- Hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 5 triệu USD, tương đương 104.140 triệu VND (31/12/2010: 528.100 triệu VND và 15 triệu USD, tương đương 283.980 triệu VND).
- Tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 367.466 triệu VND (31/12/2010: 267.399 triệu VND). Một phần của những tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 310.560 triệu VND (31/12/2010: 177.237 triệu VND) cũng được sử dụng để đảm bảo cho những khoản vay dài hạn tương ứng với các khoản đảm bảo được công bố ở Thuyết minh số 20.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản vay từ một công ty con của Công ty không có bảo đảm và chịu lãi suất năm dao động từ 15% đến 18% trong năm. Số vốn và lãi còn lại được trả theo thời hạn ghi trên hợp đồng cho vay.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	202.630	104.132	-	5
Thuế giá trị gia tăng	41.071	25.378	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	14.810	1.292	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.580	-	2.159	-
Các loại thuế khác	21.268	22.040	3.034	1.355
	291.359	152.842	5.193	1.360

18. Chi phí phải trả

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	177.364	192.374	-	-
Lãi vay phải trả	253.095	146.578	244.954	141.569
Chiết khấu hàng bán	69.876	51.362	-	-
Chi phí vận chuyển	29.703	25.516	-	-
Thưởng và lương tháng 13	50.755	18.163	1.470	712
Phí tư vấn	104.942	18.326	66.056	18.326
Phải trả cho xây dựng công trình	42.500	-	-	-
Thuế nhà thầu	33.273	15.367	27.217	14.805
Các khoản khác	62.876	35.152	-	255
	824.384	502.838	339.697	175.667

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

19. Phải trả khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải trả ngắn hạn khác				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	1.002	-	12	-
Mua trái phiếu Techcombank	-	982.648	-	982.648
Tiền gửi ngắn hạn của khách hàng	19.705	-	-	-
Chi phí lãi vay phải trả cho một công ty con	-	-	261.698	-
Phải trả khác	13.552	4.940	2	3
	34.259	987.588	261.712	982.651
Phải trả dài hạn khác				
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	256.195	-

Chi phí lãi vay ngắn hạn phải trả cho một công ty con không có đảm bảo và được trả theo thời hạn của hợp đồng vay.

Phải trả dài hạn khác cho một công ty con là 256.195 triệu VND gồm chi phí lãi vay và phí duy trì khoản vay, các chi phí này không có đảm bảo và được hoàn trả theo thời hạn của hợp đồng vay.

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay dài hạn (a)	3.329.726	222.233	2.000.000	-
Hối phiếu nhận nợ (b)	2.855.764	2.855.764	-	-
Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi (c)	1.957.960	1.957.960	1.957.960	1.957.960
Nợ thuê tài chính (d)	-	4.974	-	-
	8.143.450	5.040.931	3.957.960	1.957.960
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(733.669)	(40.371)	(630.000)	-
Hoàn trả sau 12 tháng	7.409.781	5.000.560	3.327.960	1.957.960

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

		Loại tiền tệ	Lãi suất danh nghĩa	Năm đáo hạn	Tập đoàn		Công ty	
					31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
a. Vay dài hạn								
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo		VND	9,6%-20%	2012-2016	1.080.302	147.480	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo		USD	3,72%-3,83%	2014	2.249.424	13.990	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo		VND	18%	2016	-	45.815	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo		USD	6,80%	2014	-	14.948	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con		VND	18%	2016	-	-	2.000.000	-
					3.329.726	222.233	2.000.000	-
b. Hối phiếu nhận nợ								
(b)	VND			2016-2017	2.855.764	2.855.764	-	-
c. Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi phát hành cho :								
TPG	(c.1)	VND	15%	2012	630.000	630.000	630.000	630.000
International Finance Corporation (IFC)	(c.2)	VND	8,0%-20,4%	2014-2016	760.000	760.000	760.000	760.000
Jade Dragon (Mauritius) Limited	(c.3)	USD	2%-6%	2015	567.960	567.960	567.960	567.960
					1.957.960	1.957.960	1.957.960	1.957.960
d. Nợ thuê tài chính								
Nợ thuê tài chính		VND	12%	2011-2013	-	804	-	-
Nợ thuê tài chính		USD	7%	2011-2013	-	4.170	-	-
					-	4.974	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay dài hạn gồm:

- (i) các khoản vay bằng VND là 430.302 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 310.560 triệu VND (31/12/2010: 177.237 triệu VND).
- (ii) khoản vay bằng VND là 650.000 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai và quyền khai thác mỏ Núi Pháo và 68.521.729 cổ phiếu Techcombank được nắm giữ bởi Công ty, với hạn mức tín dụng tối đa là 2.376.900 triệu VND.
- (iii) khoản vay bằng USD tương đương 2.249.424 triệu VND chịu lãi suất LIBOR cộng lãi suất biên 3,5% một năm trong năm đầu tiên, LIBOR cộng 7% một năm trong năm thứ hai và LIBOR cộng 10% một năm trong năm thứ ba sau khi giải ngân. Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được hoàn trả một lần vào ngày hết hạn.

Tập đoàn có quyền gia hạn khoản vay sau tháng thứ 12, 18, 24 và 30 dựa trên việc thanh toán phí gia hạn là 56.797 triệu VND đối với mỗi lần gia hạn. Hợp đồng vay này có hiệu lực trong 36 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San với giá trị ghi sổ là 679.023 triệu VND được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn chưa giải ngân khoản tín dụng với hạn mức 90 triệu USD với các ngân hàng trong nước. Khoản tín dụng này được đảm bảo bằng 69.321.837 cổ phiếu của Techcombank nắm giữ bởi Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vay dài hạn của Công ty bao gồm khoản vay bằng VND không được đảm bảo từ một công ty con là 2.000.000 triệu VND, khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 18% một năm. Khoản vay này đáo hạn trong 5 năm kể từ ngày giải ngân, ngày 17 tháng 8 năm 2011. Số vốn gốc và lãi được trả vào ngày đáo hạn.

- (b) Hối phiếu nhận nợ phải trả vào ngày 23 tháng 9 năm 2016 và ngày 23 tháng 9 năm 2017 lần lượt là 237.980 triệu VND và 2.617.784 triệu VND, liên quan đến việc mua lại Công ty TNHH Khai thác Chế Biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPV") từ một nhà đầu tư nước ngoài cùng với các công ty liên quan của họ (gọi chung là "Bên bán chính") trong năm 2010. Các hối phiếu nhận nợ này được phát hành để mua lại NPV.

Ngoài các hối phiếu nhận nợ nêu trên, Tập đoàn đã phát hành các công cụ khác như là một phần của chi phí mua lại. Dưới đây là chi tiết tài chính và điều khoản thương mại của các công cụ đã phát hành. Các công cụ này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

- (i) **Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông của Công ty** - Công ty phát hành cho bên bán chính quyền chọn mua 1.962.320 triệu VND cổ phiếu của Công ty với giá 65.915 VND mỗi cổ phiếu, tương đương 29.770.465 cổ phiếu của Công ty. Quyền chọn mua có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc căn trừ bằng hối phiếu nhận nợ do bên bán chính quyết định. Bên bán chính có thể thực hiện quyền chọn này từ năm thứ ba kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2010 cho đến năm thứ năm. Công ty có thể yêu cầu bên bán chính thực hiện việc chuyển đổi bất kỳ khi nào khi giá cổ phiếu của Công ty vượt mức 65.915 VND trong 15 ngày liên tục, khi đó Công ty có thể trả hối phiếu nhận nợ đã phát hành cho bên bán chính hoặc là yêu cầu bên bán chính thực hiện quyền chọn của mình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

- (ii) **Điều chỉnh quyền sở hữu tại MR** - Tập đoàn ký một thỏa thuận với bên bán chính trong đó quy định Tập đoàn sẽ chuyển nhượng cho bên bán chính tối đa là 12% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 15%) lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của Tập đoàn nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram tăng trên mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Đổi lại, bên bán chính sẽ chuyển nhượng cho Tập đoàn tối đa 4% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 5%) lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của bên bán chính nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram giảm dưới mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Thỏa thuận này có thể được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày báo cáo kiểm toán của NPV được phát hành cho năm sau năm mà NPV sản xuất hơn 300.000 tấn chứa vonfram trioxit. Bất kỳ sự điều chỉnh tiềm tàng nào trong việc sở hữu của MR sẽ được bao gồm trong quyền chọn mua và các quyền chọn bán như mô tả trong thuyết minh dưới đây mà không tính đến bất kỳ điều chỉnh nào cho mức phí để thực hiện các quyền chọn trên.
- (iii) **Quyền chọn mua và quyền chọn bán cổ phiếu của MR** - bên bán chính phát hành cho Tập đoàn quyền chọn mua toàn bộ phần sở hữu của bên bán chính trong MR bằng tiền mặt trong vòng ba năm, mà nó sẽ tăng lợi ích kinh tế của Tập đoàn trong MR từ 65% lên đến 80%. Giá mua được xác định theo từng quý trong vòng ba năm và dao động từ 1.164.320 triệu VND đến 1.710.000 triệu VND. Đổi lại, Công ty phát hành cho bên bán chính quyền chọn bán toàn bộ phần sở hữu của bên bán chính trong MR để mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với giá trị là 1.710.000 triệu VND trong vòng một tháng sau khi kết thúc giai đoạn ba năm kể trên tại mức giá 65.915 VND mỗi cổ phiếu.
- (c.1) Trái phiếu dài hạn phát hành cho TPG bao gồm (i) ba trái phiếu có thể chuyển đổi, với mệnh giá mỗi trái phiếu là 180.000 triệu VND, được phát hành cho Công ty TNHH TPG Star Masan, Công ty TNHH TPG Star Masan II, và Công ty TNHH TPG Star Masan III (được gọi chung là "TPG"); và (ii) trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 90.000 triệu VND phát hành cho Công ty TNHH TPG Star Masan.
- Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:
- (i) Các trái phiếu này có lãi suất là 15% một năm, tính cộng dồn hàng năm và phải trả khi trái phiếu đáo hạn. Tiền lãi không được trả nếu quyền chuyển đổi được thực hiện. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 11 năm 2012.
- (ii) Các trái phiếu này có thể được chuyển đổi thành 30.922.285 cổ phiếu phổ thông do Công ty phát hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2011 đến ngày hết hạn trái phiếu theo sự lựa chọn của trái chủ. Tuy nhiên, tại bất kỳ thời điểm nào sau khi các báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được cung cấp cho trái chủ, và giá giao dịch của các cổ phiếu phổ thông được niêm yết của Công ty cao hơn 200% so với giá chuyển đổi có thể áp dụng trong thời gian liên tục 90 ngày giao dịch, Công ty có quyền yêu cầu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi đó.
- (iii) Các trái phiếu được đảm bảo bằng 4.410.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San.
- (c.2) Khoản vay này là khoản vay chuyển đổi, với số tiền gốc là 760.000 triệu VND được ký với Công ty Tài chính Quốc tế ("IFC"), trong đó 190.000 triệu VND có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay là 8% một năm từ ngày giải ngân đến ngày 15 tháng 4 năm 2012 và là 20,4% một năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2012 đến ngày hết hạn cho phần khoản vay có thể được chuyển đổi. Lãi suất của khoản vay là 20,4% một năm cho phần khoản vay không được chuyển đổi từ ngày 15 tháng 4 năm 2013 đến ngày 15 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này đáo hạn ngày 15 tháng 4 năm 2016. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.
 - (ii) IFC có thể thực hiện quyền chọn để chuyển đổi ở mức tối đa là 190.000 triệu VND, trong tổng nợ gốc và có thể yêu cầu Công ty niêm yết các cổ phiếu chuyển đổi này. Có hai kỳ chuyển đổi: kỳ đầu tiên bắt đầu sau 12 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc sau 36 tháng sau ngày 31 tháng 5 năm 2010, kỳ chuyển đổi thứ hai bắt đầu từ sau 36 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc vào ngày 15 tháng 4 năm 2016. Lãi vay phải trả sẽ tiếp tục được trích trước và phần thanh toán cho phần phụ trội sẽ được trả cho các khoản vay chuyển đổi nếu IFC không thực hiện quyền chuyển đổi trong kỳ chuyển đổi đầu tiên.
 - (iii) Giá chuyển đổi được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của Tập đoàn và sẽ được điều chỉnh cho bất kỳ sự suy giảm nào mà đã được nêu trong thỏa thuận và phụ thuộc vào xác nhận của một đại diện độc lập đối với việc tính toán này.
 - (iv) Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San bảo lãnh cho khoản vay này. Khoản vay này được đảm bảo bởi 2.800.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San.
- (c.3) Khoản vay này là khoản vay có thể chuyển đổi bằng Đô la Mỹ với nợ gốc là 30 triệu Đô la Mỹ. Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:
- (i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2% một năm và 6% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4% một năm và 4% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6% một năm và 2% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm.
 - (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.
 - (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu.
 - (iv) Tập đoàn còn ký kết một hợp đồng với Công ty Cổ phần Ma San mà theo đó Công ty này sẽ đảm nhận rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một khoản tiền mặt là 30 triệu USD cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

21. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Tập đoàn	
	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	4.552	1.895
Mua lại từ hợp nhất kinh doanh	2.805	-
Số trích lập dự phòng trong năm	1.855	4.228
Số sử dụng dự phòng trong năm	(648)	(1.571)
Số dư cuối năm	8.564	4.552

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã đóng góp 5.650 triệu VND (2010: 1.599 triệu VND) và Công ty đã đóng góp 39 triệu VND (2010: 23 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận như là một phần chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

22. Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	-	2.166.136	-	2.166.136

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2011		2010	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	-	-	29.872.449	298.725
Số dư cuối năm	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

23. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý các cổ phiếu của Công ty sẽ được phát hành để mua lại lợi ích liên quan đến công ty con và công ty liên kết. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này đã được tính tại ngày mua. Trong năm, vốn khác của chủ sở hữu tăng thêm do việc mua lại 2.834.402 trái phiếu chuyển đổi của Techcombank (Thuyết minh 12(a)).

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	7.238.994	5.689.209	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	9	289	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(119.856)	(103.211)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(62.298)	-	-	-
Doanh thu thuần	7.056.849	5.586.287	-	-

25. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	3.911.343	3.186.842	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	86.491	7.775	-	-
	3.997.834	3.194.617	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Doanh thu lãi vay từ:				
▪ Tiền gửi	917.948	239.657	138.407	115.584
▪ Cho cá nhân vay	-	7.055	-	-
▪ Đầu tư trái phiếu	75.265	7.438	75.265	-
▪ Cho công ty con vay	-	-	256.692	19.080
▪ Thu lại từ công ty mẹ	110.997	103.255	110.997	96.332
▪ Cho công ty mẹ vay	20.748	-	20.748	6.923
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	54.598	19.029	43.475	17.524
Bất lợi thương mại	-	1.239.714	-	-
Doanh thu tài chính khác	5.650	4.771	-	-
	1.185.206	1.620.919	645.584	255.443

27. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
▪ Ngân hàng	153.847	92.918	-	-
▪ Các trái chủ	162.404	140.711	162.404	140.711
▪ Công ty con	-	-	538.642	6.923
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.273	29.781	8.646	15.687
Chi phí tài chính khác	12.201	6.867	7.965	5.694
	347.725	270.277	717.657	169.015

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

28. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.406	3.394	-	-
Thu từ bán phế liệu	12.499	9.639	-	-
Thu nhập khác	7.264	6.337	-	-
	22.169	19.370	-	-

29. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định đã thanh lý	7.616	3.925	-	-
Chi phí bán phế liệu	12.174	3.649	-	-
Phạt thuế	3.315	1.897	-	-
Chi phí khác	3.198	1.691	73	-
	26.303	11.162	73	-

30. Lợi nhuận từ công ty liên kết

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011	2010	2011	2010
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận từ công ty liên kết	969.019	414.551	-	-
Phân bổ lợi thể thương mại	(576.286)	(253.953)	-	-
	392.733	160.598	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	242.683	140.060	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.431	578	-	-
	247.114	140.638	-	-
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	125.450	(22.914)	-	-
Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(820)	-	-
	125.450	(23.734)	-	-
Chi phí thuế thu nhập	372.564	116.904	-	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

<u>Tập đoàn</u>	2011		2010	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế		2.868.572		2.746.121
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	25,00%	717.143	25,00%	686.531
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(11,80%)	(338.558)	(8,48%)	(232.757)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1,37%	39.313	0,48%	13.109
Thu nhập không bị tính thuế	(3,42%)	(98.183)	(12,75%)	(350.078)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	1,84%	52.739	0,21%	5.647
Lỗ tính thuế đã sử dụng nhưng chưa được ghi nhận trước đây	(0,15%)	(4.321)	(0,22%)	(6.126)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	0,15%	4.431	0,02%	578
	12,99%	372.564	4,26%	116.904

Thu nhập miễn thuế phản ánh ảnh hưởng thuế đối với bất lợi thương mại và lợi nhuận trong công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty

	2011		2010	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế		(222.633)		24.137
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	(25,00%)	(55.658)	25,00%	6.034
Chi phí không được khấu trừ thuế	1,31%	2.921	0,38%	92
Lỗ tính thuế đã sử dụng nhưng chưa được ghi nhận trước đây	-	-	(25,38%)	(6.126)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	23,69%	52.737	-	-
	-	-	-	-

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Tập đoàn

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuê nhà thầu được chia sẻ bởi công ty mẹ	123.974	106.472
	Khoản cho công ty mẹ vay	715.000	806.200
	Thu nhập lãi vay từ công ty mẹ	20.748	6.923
	Mua dịch vụ	-	540
	Bán hàng hóa	-	44
	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	1.801	3.089
Các bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu Ma San	Phí bảo trì	10.717	4.115
	Mua tài sản cố định	2.505	468
Công ty Cổ phần Bất động sản Ma San			
	Phí dịch vụ	12.797	3.754
	Xây dựng	-	6.321
	Thu nhập từ cho thuê	91	103
Thành viên Hội đồng Quản trị			
	Thù lao trả cho thành viên trong Hội đồng Quản trị	48.286	1.339
	Vốn góp	-	20.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty

Công ty liên quan	Bản chất giao dịch	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Công ty mẹ			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuê nhà thầu được chia sẻ bởi công ty mẹ	123.974	106.472
	Khoản cho công ty mẹ vay	715.000	806.200
	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty mẹ vay	20.748	6.932
	Chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	1.801	3.089
Các bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần	Khoản vay nhận từ công ty con	4.715.000	806.200
Hàng Tiêu Dùng Ma San	Chi phí lãi vay từ các khoản cho vay ngắn hạn	282.447	6.923
	Chi phí lãi vay từ các khoản cho vay dài hạn	134.440	-
	Phí duy trì khoản vay	121.755	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Khoản cho công ty con vay	2.136.347	447.381
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	13.775	19.080
	Thu nhập lãi từ khoản dài hạn cho công ty con vay	121.162	-
	Thu nhập từ phí duy trì khoản vay	121.755	-
Thành viên Hội đồng Quản trị			
	Thù lao trả cho thành viên trong Hội đồng	4.985	1.339
	Quản trị	-	20.000
	Vốn góp	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

33. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.577.637	78.881	-	-
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	235.345	639.581	-	-
	1.812.982	718.462	-	-

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Trong vòng một năm	62.198	36.057	23.619	1.570
Từ hai đến năm năm	103.647	49.274	35.738	870
Trên năm năm	34.450	35.653	-	-
	200.295	120.984	59.357	2.440

34. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 1.973.149 triệu VND (2010: 2.283.039 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 678.369.685 cổ phiếu (2010: 492.546.102 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.973.149	2.283.039

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2011	2010
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	515.272.269	485.399.820
Ảnh hưởng của cổ phiếu trả bằng tiền mặt	-	7.146.282
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	152.579.160	-
Ảnh hưởng của công cụ vốn phát hành để mua thêm lợi ích trong một công ty liên kết	10.518.256	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	678.369.685	492.546.102

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm phát sinh từ các trái phiếu chuyển đổi và các thỏa thuận phát hành cổ phiếu trong tương lai.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2011 Triệu VND	2010 Triệu VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	1.973.149	2.283.039
Chia sẻ lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông thiểu số, sau thuế	14.510	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (suy giảm)	1.987.659	2.283.039

Lợi nhuận thuần suy giảm phân bổ cho các cổ đông có bao gồm lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông thiểu số.

(ii) Số cổ phiếu thường bình quân gia quyền (suy giảm)

	2011	2010
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	678.369.685	492.546.102
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi các công cụ tài chính và quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông	109.586.687	45.466.420
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	787.956.372	538.012.522

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

35. Thù lao bằng cổ phiếu

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2011, một số nhân viên nhất định và các nhân sự chủ chốt được quyền mua cổ phần của công ty con theo mệnh giá, quyền này sẽ kết thúc khi nhân viên đó nghỉ việc. Cổ phiếu được phát hành hàng tháng. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, các cổ phiếu không được phát hành hàng tháng mà được phát hành định kỳ khi được các cổ đông phê duyệt.

Số lượng cổ phiếu của công ty con đã phát hành và sẽ phát hành cho nhân viên đối với công sức đóng góp như sau:

	2011	2010
Nhân viên	683.466	847.623
Thành viên Ban Giám đốc (trừ số lượng nhân viên)	268.334	184.208

Trong số các cổ phiếu nói trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công ty con trên của Công ty đã cam kết phát hành 324.268 cổ phiếu cho nhân viên đối với công sức đóng góp từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2011.

Trước khi niêm yết, Công ty đã ký kết các hợp đồng phát hành quyền chọn mua cổ phiếu cho Ban Giám đốc cho phép mua dựa trên một tỷ lệ phần trăm cổ phiếu suy giảm toàn phần. Các hợp đồng này đã được phê duyệt bởi cổ đông của Công ty vào ngày 9 tháng 10 năm 2009. Giai đoạn thực hiện kế hoạch là trong vòng 3 và 6 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Giá mua phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu là 10.000 VND hoặc 23.463 VND trên một cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá mua là 23.463 VND. Những quyền chọn mua được phát hành trước khi niêm yết và không có điều kiện dịch vụ nào gắn liền với quyền chọn mua này. Số lượng cổ phiếu lựa chọn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 37.128.838 cổ phiếu (31/12/2010: 36.588.111 cổ phiếu).

36. Quản lý rủi ro tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thiết lập, phát triển và quản lý các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính khi khách hàng hay các đối tác liên quan không thực hiện các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ theo hợp đồng đối với Tập đoàn và Công ty khi đến hạn.

Xem Thuyết minh 6 thể hiện các chính sách quản lý rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn và Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể rằng Tập đoàn và Công ty sẽ luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn, bất kể điều kiện bình thường hay điều kiện khó khăn, mà không phát sinh lỗi ngoài dự kiến hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của Tập đoàn.

Thông thường Tập đoàn đảm bảo đủ lượng tiền mặt để đáp ứng các chi phí hoạt động kinh doanh, gồm việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính; ngoại trừ ảnh hưởng tiềm tàng của các trường hợp ngoài dự kiến, như thảm họa thiên nhiên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tập đoàn

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Vay và nợ ngắn hạn	1.298.728	(1.350.857)	(1.350.857)	-	-	-
Phải trả người bán	422.772	(422.772)	(422.772)	-	-	-
Phải trả nhân viên	12.618	(12.618)	(12.618)	-	-	-
Chi phí phải trả	824.384	(824.384)	(824.384)	-	-	-
Phải trả khác	34.259	(34.259)	(34.259)	-	-	-
Vay dài hạn	3.329.726	(4.357.949)	(419.353)	(791.319)	(3.147.277)	-
Hối phiếu nhận nợ	2.855.764	(2.855.764)	-	-	(237.980)	(2.617.784)
Trái phiếu dài hạn đã phát hành	1.957.960	(2.133.346)	(993.611)	(452.506)	(687.229)	-
	10.736.211	(11.991.949)	(4.057.854)	(1.243.825)	(4.072.486)	(2.617.784)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Vay và nợ ngắn hạn	2.000.000	(2.344.942)	(2.344.942)	-	-	-
Phải trả người bán	523	(523)	(523)	-	-	-
Chi phí phải trả	339.697	(339.697)	(339.697)	-	-	-
Phải trả khác	261.712	(261.712)	(261.712)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	2.256.195	(4.697.271)	-	-	(4.697.271)	-
Trái phiếu dài hạn đã phát hành	1.957.960	(2.133.346)	(993.611)	(452.506)	(687.229)	-
	6.816.087	(9.777.491)	(3.940.485)	(452.506)	(5.384.500)	-

Ban Giám đốc không kỳ vọng rằng các dòng tiền được trình bày trên bảng phân tích khả năng đáo hạn của Tập đoàn và Công ty có thể phát sinh sớm hơn một cách đáng kể hoặc có những giá trị chênh lệch đáng kể.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do có sự thay đổi về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường trong phạm vi có thể chấp nhận được và tối ưu hóa khả năng thu hồi lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn gặp rủi ro tiền tệ đối với doanh thu, mua hàng và các khoản vay có gốc bằng loại tiền tệ khác với đồng tiền chức năng của Tập đoàn. Loại tiền tệ sử dụng trong các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD), Đô la Úc (AUD) và Euro (EUR).

Tập đoàn đã ký kết một hợp đồng kỳ hạn để quản lý rủi ro tỷ giá. Giá trị hợp đồng là 10,46 triệu USD và đáo hạn trong vòng một năm.

Đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ, chính sách của Tập đoàn là đảm bảo cho mức độ rủi ro tiền tệ thuần được giữ ở một mức có thể chấp nhận được thông qua việc tham gia các hợp đồng mua bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay để xử lý việc thiếu hụt hay thặng dư tiền tệ trong ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tình hình tài sản/(nợ phải trả) thuần của Tập đoàn và Công ty như sau:

	USD	<u>Tập đoàn</u> AUD	EUR	<u>Công ty</u> USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.370.528	-	1.284.391	9.590.493
Phải thu khách hàng	6.800.480	-	1.392.000	6.036.164
Tài sản tiền tệ khác	1.414.721	-	-	1.398.500
Phải trả người bán	(1.717.403)	(183.397)	(1.093.544)	(6.036.164)
Vay và nợ ngắn hạn	(73.755)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	(108.000.000)	-	-	-
Chi phí phải trả	(4.752.148)	(673.223)	-	(2.565.697)
	4.042.423	(856.620)	1.582.847	8.423.296

Bảng sau đây trình bày tỷ giá hối đoái áp dụng bởi Tập đoàn và Công ty:

	<u>Tập đoàn</u> Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2011 VND	<u>Công ty</u> Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2011 VND
1 USD	20.828	20.828
1 AUD	21.772	-
1 EUR	27.700	-

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn và lỗ thuần Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc phân tích này giả định các yếu tố khác, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi:

	<u>Tập đoàn</u> Tăng/(giảm) lợi nhuận thuần tại 31/12/2011 Triệu VND	<u>Công ty</u> Giảm lỗ thuần tại 31/12/2011 Triệu VND
USD (10%)	21.824	13.158
AUD (3%)	(487)	-
EUR (1%)	381	-
	21.718	13.158

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận/(lỗ) thuần của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Mức biến động lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tài sản tài chính và nợ phải trả có lãi suất thả nổi. Rủi ro lãi suất được quản lý bởi Tập đoàn trên cơ sở liên tục với mục tiêu chính là giảm thiểu chi phí lãi vay có khả năng chịu ảnh hưởng bởi các biến động bất lợi về lãi suất.

Tập đoàn không phòng ngừa rủi ro biến động về lãi suất đối với các khoản vay chịu lãi suất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	<u>Tập đoàn</u> 31/12/2011 Triệu VND	<u>Công ty</u> 31/12/2011 Triệu VND
Công cụ lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 5)	9.397.876	1.487.452
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 12)	1.222.500	373.000
Phải thu dài hạn từ một công ty con (Thuyết minh 6)	-	2.000.000
Khoản vay từ một công ty con vay – ngắn hạn (Thuyết minh 16)	-	(2.000.000)
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)	(358.884)	-
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	(2.607.960)	(1.957.960)
Khoản vay từ một công ty con – dài hạn (Thuyết minh 20)	-	(2.000.000)
	7.653.532	(2.097.508)
Công cụ lãi suất dao động		
Tiền gửi ngân hàng	172.913	22.852
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)	(939.844)	-
Vay dài hạn (Thuyết minh 20)	(2.679.726)	-
	(3.446.657)	22.852

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ lãi suất dao động

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 29.989 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn và giảm 171 triệu VND lỗ thuần của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(d) Ước tính giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Tập đoàn và Công ty được trình bày dựa vào các mô hình định giá sử dụng các thông số thị trường độc lập, bao gồm các biểu đồ đường cong về lãi suất, các biến động về quyền chọn và tỷ giá tiền tệ.

Các khoản vay và các khoản phải thu chịu lãi suất cố định

Giá trị hợp lý được tính dựa trên các luồng lưu chuyển tiền lãi và vốn gốc trong tương lai được chiết khấu sử dụng lãi suất thị trường tại ngày lập báo cáo. Các công cụ ngắn hạn được đánh giá xấp xỉ giá trị hợp lý vì có thời gian đáo hạn ngắn.

Các khoản vay có lãi suất thả nổi từ ngân hàng

Tập đoàn cho rằng giá trị ghi sổ của các khoản vay chịu lãi suất thả nổi, được tái định giá ít nhất hai lần một năm, phản ánh giá trị hợp lý tương ứng.

Các công cụ tài chính phải sinh

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính phải sinh và nợ tài chính phải sinh phải trả được giao dịch trên các thị trường năng động được xác định dựa trên giá thị trường hoặc báo giá của nhà môi giới. Đối với các công cụ tài chính phải sinh khác, Tập đoàn xác định giá trị hợp lý bằng cách sử dụng các kỹ thuật định giá. Các kỹ thuật định giá bao gồm phương pháp tính hiện giá thuần và chiết khấu dòng tiền, so sánh với giá thị trường của các công cụ tương tự, và các mô hình định giá khác. Mục tiêu của các kỹ thuật đánh giá này là để xác định giá trị hợp lý phản ánh giá của công cụ tài chính tại ngày lập báo cáo, mà có thể được xác định bởi các đối tác tham gia thị trường dựa trên các giao dịch trao đổi ngang giá.

Tài sản và nợ tài chính phải trả khác

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thời gian đáo hạn dưới một năm (gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải trả người bán và phải trả khác) được giả định xấp xỉ giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ tài chính phải trả

Theo Thông tư 210, các công cụ tài chính được phân loại thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm chứng khoán kinh doanh. Chứng khoán được phân loại là chứng khoán kinh doanh nếu:

- (i) được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- (ii) có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn và Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- (i) các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- (iii) các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- (i) các khoản mà Tập đoàn và Công ty có ý định bán ngay hoặc trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) các khoản được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- (iii) các khoản mà Tập đoàn và Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- (i) các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- (ii) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- (iii) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- (i) thỏa mãn định nghĩa được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- (ii) theo ghi nhận ban đầu, được ghi nhận bởi Tập đoàn và Công ty theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ tài chính khác

Các khoản nợ tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hao mòn.

Việc phân loại tài sản và nợ tài chính phải trả như trên chỉ được sử dụng cho mục đích trình bày báo cáo tài chính. Việc phân loại này không ảnh hưởng đến việc ghi nhận, đánh giá hoặc phân loại trên Bảng cân đối kế toán của Tập đoàn và Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả cùng với giá trị ghi sổ được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo phân loại của Thông tư 210 như sau:

Tập đoàn

	Thuyết minh	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ tài chính khác Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Đầu tư ngắn hạn	12	1.222.500	-	-	1.222.500	1.222.500
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6	-	539.684	-	539.684	539.684
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	-	9.570.789	-	9.570.789	9.570.789
Tài sản phải sinh		-	-	-	-	518.057
		1.222.500	10.110.473	-	11.332.973	11.851.030
Vay và nợ ngắn hạn	16	-	-	(1.298.728)	(1.298.728)	(1.298.728)
Vay và nợ dài hạn	20	-	-	(3.329.726)	(3.329.726)	(3.369.322)
Hối phiếu nhận nợ	20	-	-	(2.855.764)	(2.855.764)	(1.200.602)
Trái phiếu/khoản vay chuyển đổi	20	-	-	(1.957.960)	(1.957.960)	(2.275.330)
Phải trả người bán và phải trả khác (*)		-	-	(1.294.033)	(1.294.033)	(1.294.033)
Nợ phải sinh		-	-	-	-	(30.759)
		-	-	(10.736.211)	(10.736.211)	(9.468.774)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty

	Thuyết minh	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ tài chính khác Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Đầu tư ngắn hạn	12	373.000	-	-	373.000	373.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6	-	329.519	-	329.519	329.519
Các khoản phải thu dài hạn khác	6	-	2.762.294	-	2.762.294	2.445.120
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	-	1.510.304	-	1.510.304	1.510.304
Tài sản phải sinh		-	-	-	-	518.057
		373.000	4.602.117	-	4.975.117	5.176.000

	Thuyết minh	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ tài chính khác Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2011						
Vay và nợ ngắn hạn	16	-	-	(2.000.000)	(2.000.000)	(2.000.000)
Vay và nợ dài hạn	20	-	-	(2.000.000)	(2.000.000)	(2.115.646)
Trái phiếu/ khoản vay chuyển đổi	20	-	-	(1.957.960)	(1.957.960)	(2.275.330)
Phải trả người bán và phải trả khác (*)		-	-	(601.932)	(601.932)	(601.932)
Các khoản nợ dài hạn khác	19	-	-	(256.195)	(256.195)	(157.718)
Nợ phải sinh		-	-	-	-	(30.759)
		-	-	(6.816.087)	(6.816.087)	(7.181.385)

* Phải trả người bán và phải trả khác gồm phải trả người bán, phải trả nhân viên, chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

37. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Tập đoàn đã ký các hợp đồng huy động vốn dài hạn trị giá 160 triệu USD và 2.200 tỷ VND. Giao dịch này bao gồm việc Công ty phát hành các khoản vay chuyển đổi có thời hạn bốn năm trị giá 80 triệu USD và trái phiếu có thời hạn bốn năm trị giá 2.200 tỷ VND, và một khoản vay có thời hạn hai năm trị giá 80 triệu USD cho Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên.

Khoản vay chuyển đổi trị giá 80 triệu USD có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá 85.000 VND một cổ phiếu, dựa trên sự điều chỉnh và các điều khoản khác của hợp đồng và có mức lãi suất năm là 5% thanh toán theo định kỳ 6 tháng trong năm đầu và tăng lên thành 6% cho năm thứ 2 và thứ 3, và 7% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi. Lãi suất hoãn lại phải được trả nếu quyền chọn chuyển đổi không được thực hiện dựa trên hợp đồng. Khoản vay này được giải ngân vào ngày 14 tháng 2 năm 2012 và ngày 15 tháng 2 năm 2012.

Các trái phiếu với tổng trị giá 2.200 tỷ VND được đảm bảo bằng các trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi Techcombank và có mức lãi suất năm 15% thanh toán theo định kỳ 6 tháng. Các khoản này được giải ngân vào ngày 17 tháng 1 năm 2012, 20 tháng 1 năm 2012, 27 tháng 2 năm 2012 và 23 tháng 3 năm 2012. Vào các ngày trên, Công ty cũng phát hành các quyền chọn mua tương ứng với 2.200 tỷ VND để mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá mua là 100.000 VND hoặc 120.000 VND dựa trên sự điều chỉnh và các điều khoản khác của hợp đồng.

Khoản vay trị giá 80 triệu USD có mức lãi suất 10,15% một năm. Khoản vay này được giải ngân vào ngày 7 tháng 3 năm 2012.

Người lập:



Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2012